

**BAN CHỈ ĐẠO**  
**TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG**

**SỔ TAY**  
**VẼ SƠ ĐỒ VÀ LẬP BẢNG KÊ**

Hà Nội, 10/2008

## THƯ GỬI CÁN BỘ VẼ SƠ ĐỒ VÀ LẬP BẢNG KÊ

*Các bạn thân mến!*

*Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương xin gửi đến các bạn lời chào trân trọng.*

*Ngày 10 tháng 7 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg “Về tổ chức Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009”.*

*Mục đích của Tổng điều tra dân số và nhà ở là có được nguồn thông tin đầy đủ và chính xác về dân số và nhà ở giúp cho Đảng và Nhà nước, các địa phương, các khu vực kinh tế tập thể, tư nhân, các nhà đầu tư xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, trong đó có các bạn và gia đình các bạn.*

*Để Tổng điều tra dân số và nhà ở diễn ra theo kế hoạch, công tác vẽ sơ đồ, lập bảng kê giữ vị trí hết sức quan trọng. Các bạn đang tham gia đóng góp vào sự thành công của Tổng điều tra lần này. Công việc vẽ sơ đồ, lập bảng kê đòi hỏi sự cam kết cao về mặt thời gian của các bạn. Chúng tôi tin tưởng rằng với sự nhiệt tình sẵn có và mong muốn được đóng góp vào sự phát triển của đất nước và quê hương, các bạn sẽ vượt qua được khó khăn để thực hiện tốt nhiệm vụ.*

*Thưa các bạn!*

*Thành công của cuộc Tổng điều tra có phần đóng góp công sức đáng kể của các bạn. Chúng tôi ghi nhận những đóng góp ấy và mong các bạn hợp tác với chúng tôi vì công việc chung của đất nước.*

*Một lần nữa, Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các bạn.*

*Chúc các bạn và gia đình mạnh khỏe, hạnh phúc.*

**BAN CHỈ ĐẠO**

**TĐTDS VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG**

# CHƯƠNG I

## NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA SƠ ĐỒ VÀ BẢNG KÊ

#### A. Mục đích

1. Giúp cho cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở trên cả nước diễn ra thuận lợi, tránh điều tra trùng hoặc bỏ sót địa bàn, nhà, hộ và số người;
2. Giúp Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở xã, phường, thị trấn (viết tắt là xã/phường) nắm được số lượng địa bàn điều tra, các đặc điểm địa lý, dân cư của xã/phường mình, làm cơ sở cho lập kế hoạch huy động, tuyển chọn, tập huấn điều tra viên và tổ trưởng điều tra;
3. Giúp Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở xã/phường bước đầu nắm được số hộ, làm cơ sở cho việc dự trù phiếu điều tra với Ban chỉ đạo cấp huyện/quận;
4. Giúp Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở các cấp tổ chức, chỉ đạo và quản lý cuộc Tổng điều tra;
5. Giúp điều tra viên nhận biết rõ ràng phạm vi địa bàn điều tra và số hộ phải phỏng vấn ghi phiếu trong thời gian điều tra;
6. Làm cơ sở xây dựng “dàn mẫu chủ” cho các cuộc điều tra chọn mẫu hộ sau này.

#### B. Yêu cầu

1. Tất cả các thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố (gọi chung là thôn/tổ dân phố) của xã/phường đều phải được thể hiện trên sơ đồ nền của xã/phường, không một thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố nào bị bỏ sót;
2. Tất cả các thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố của xã/phường phải được phân chia thành các địa bàn điều tra trên sơ đồ nền của xã/phường, có ranh giới rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng;
3. Trong mỗi sơ đồ địa bàn điều tra, tất cả các ngôi nhà đều phải được vẽ bằng ký hiệu, có mũi tên (→) chỉ rõ đường đi đến tất cả các ngôi nhà trong địa bàn bắt đầu từ ngôi nhà đầu tiên tới ngôi nhà cuối cùng của địa bàn và lối vào nhà cụ thể từng ngôi nhà;
4. Tất cả các ngôi nhà hoặc căn hộ có người ở và các hộ thuộc phạm vi địa bàn điều tra được đưa vào bảng kê;
5. Những nơi tuy không phải là nhà ở (mà chỉ là nơi ở) như: gầm cầu, cống, lều, lán, trại, hang, động... nhưng có người cư trú thường xuyên thuộc phạm vi địa bàn điều tra đều phải được thể hiện trên sơ đồ bằng ký hiệu riêng và được đưa vào bảng kê.

### II. NHIỆM VỤ CỦA CÁN BỘ VẼ SƠ ĐỒ VÀ LẬP BẢNG KÊ

#### 1. Nhiệm vụ chung

- Tất cả cán bộ vẽ sơ đồ và lập bảng kê phải tham dự đầy đủ lớp tập huấn nghiệp vụ vẽ sơ đồ, lập bảng kê và nhận đủ các tài liệu, phương tiện vẽ sơ đồ, lập bảng kê (giấy vẽ sơ đồ, bút chì, bút bi, thước kẻ, tẩy, bản đồ của xã/phường, mẫu bảng kê, sổ tay vẽ sơ đồ và lập bảng kê...);

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở xã/phường và kiểm tra, giám sát của cán bộ giám sát từ trung ương đến tỉnh/thành phố và huyện/quận.

## **2. Nhiệm vụ của cán bộ vẽ sơ đồ**

- Vẽ sơ đồ nền của xã/phường;
- Đi thực địa xác định và vẽ ranh giới các thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố; ghi tên và ghi số hộ của từng thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố;
- Tham gia cùng Ban chỉ đạo xã/phường phân chia các thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố thành các địa bàn điều tra theo quy mô địa bàn chuẩn;
- Xác định và vẽ ranh giới các địa bàn điều tra đã được phân chia trên sơ đồ nền;
- Đi thực địa để vẽ sơ đồ chi tiết của từng địa bàn điều tra; có trách nhiệm bảo vệ cẩn thận, không để thất lạc, nhàu nát, ẩm ướt sơ đồ;
- Đi thực địa để hiệu chỉnh sơ đồ trong thời gian hiệu chỉnh sơ đồ;
- Bàn giao sơ đồ nền của xã/phường và sơ đồ địa bàn điều tra cho Ban chỉ đạo xã/phường.

## **3. Nhiệm vụ của cán bộ lập bảng kê**

- Nhận sơ đồ địa bàn điều tra từ Ban chỉ đạo xã/phường;
- Đi thực địa, đối chiếu giữa thực địa với sơ đồ để xem cán bộ vẽ sơ đồ có vẽ đúng như thực địa không (số lượng các ngôi nhà, vị trí tương đối giữa các ngôi nhà, lối đi hoặc đường đi đến các ngôi nhà, các vật định hướng...). Nếu phát hiện có sự không đúng, trao đổi với cán bộ vẽ sơ đồ để điều chỉnh lại những chỗ chưa đúng đó;
- Đến từng nhà, từng hộ hỏi chủ hộ hoặc người đại diện của hộ xác định số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ để ghi vào bảng kê trong thời gian lập bảng kê và trong thời gian hiệu chỉnh bảng kê; có trách nhiệm bảo vệ sơ đồ, bảng kê trước khi bàn giao cho Ban chỉ đạo xã/phường;
- Bàn giao đầy đủ sơ đồ, bảng kê cho Ban chỉ đạo xã/phường sau khi đã hoàn thành lập bảng kê và hiệu chỉnh bảng kê;
- Cán bộ lập bảng kê cần phối hợp với trưởng thôn, ấp, bản, tổ dân phố, cán bộ quản lý các nhà chung cư, các toà nhà nhiều tầng thuộc địa bàn mình phụ trách để lập bảng kê chính xác từng hộ của địa bàn;
- Có trách nhiệm tuyên truyền cho các hộ gia đình về mục đích, ý nghĩa của Tổng điều tra dân số và nhà ở.

## **III. NHỮNG KHÁI NIỆM, QUY ĐỊNH SỬ DỤNG TRONG CÔNG TÁC VẼ SƠ ĐỒ VÀ LẬP BẢNG KÊ.**

### **1. Bản đồ/sơ đồ của xã/phường**

Là bản đồ hay sơ đồ tổng quát của xã/phường, thể hiện phạm vi, ranh giới của cả xã/phường và của các thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố trong xã/phường, các đặc điểm tự nhiên hoặc nhân tạo nổi bật của xã/phường.

## 2. Địa bàn điều tra

Là khu vực dân cư được phân định trong điều tra dân số, có ranh giới rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng để giao cho điều tra viên thực hiện điều tra thu thập thông tin.

Trong Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009, địa bàn điều tra là thôn (hoặc xóm, ấp, bản, tổ dân phố) với quy mô bình quân trong cả nước là 100 hộ. Phương án điều tra quy định quy mô và hướng dẫn phân chia địa bàn điều tra theo các vùng như sau:

- + Đối với các xã vùng núi cao, hải đảo, vùng núi thấp, vùng sâu, vùng xa: Quy mô địa bàn bình quân nằm trong khoảng từ 70 đến 100 hộ. Tuy nhiên, đối với thôn, bản quy mô nhỏ (dưới 70 hộ) nhưng có vị trí địa lý quá xa so với thôn, bản gần nhất, thì vẫn để một địa bàn riêng (không ghép với thôn, bản khác). Ngược lại, nếu thôn, bản có quy mô lớn (trên 100 hộ) nhưng dưới 200 hộ, thì vẫn để một địa bàn riêng mà không cần chia tách;
- + Đối với các xã/phường còn lại (phường/thị trấn ở thành thị, xã ở đồng bằng): Quy mô địa bàn bình quân nằm trong khoảng từ 100 đến 150 hộ. Tuy nhiên đối với thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố tuy quy mô dưới 100 hộ, nhưng có vị trí địa lý không thuận tiện cho việc ghép với thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố gần nhất thì vẫn để một địa bàn riêng (không ghép với thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố khác). Ngược lại, nếu thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố có quy mô lớn (trên 150 hộ) nhưng dưới 250 hộ thì vẫn để một địa bàn riêng mà không cần chia tách.

Trong trường hợp khác, việc ghép những thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố liền kề hoặc chia tách thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố để tạo thành (các) địa bàn điều tra phải bảo đảm rằng ranh giới của địa bàn điều tra là rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng, với nguyên tắc không được ghép một phần thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố này với một phần thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố khác để tạo thành một địa bàn điều tra.

## 3. Sơ đồ địa bàn điều tra

Là sơ đồ của địa bàn, trên đó thể hiện:

- Phạm vi, ranh giới của địa bàn, các con đường, phố, ngõ, hẻm... và các đặc điểm dễ nhận biết khác như: trụ sở ủy ban nhân dân, chợ, bệnh viện, trường học, sông, kênh rạch, rừng núi, ruộng vườn, ao, hồ, cầu cống, cây cối, v.v...;
- Số thứ tự của các địa bàn điều tra hoặc tên của (các) xã/huyện/tỉnh hoặc tên quốc gia giáp ranh;
- Tổng số các ngôi nhà có người ở và không có người ở (kể cả những nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên);
- Hướng đi (“đường đi, lối lại”) đến từng ngôi nhà/nơi ở có trong địa bàn bắt đầu từ ngôi nhà có người ở đầu tiên;
- Số thứ tự của các ngôi nhà có người ở, được đánh số thứ tự theo số tự nhiên liên tiếp, bắt đầu từ số “1” và số tầng nhà của từng ngôi nhà có người ở; và của những nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên.

## 4. Ký hiệu trên sơ đồ

Là những hình vẽ, đường nét khác nhau được quy định thống nhất để mô tả các đặc điểm cơ bản về tự nhiên, nhân tạo trên thực địa lên sơ đồ (Phụ lục 1).

Các ký hiệu trên sơ đồ trình bày trong Phụ lục 1 được quy định thống nhất trong cả nước. Tuy nhiên, nếu địa bàn nào có những đặc trưng riêng cần thể hiện lên sơ đồ thì có thể thể hiện, nhưng phải được giải thích ở phần giải thích các ký hiệu.

## 5. Hướng trên sơ đồ

Là hướng Bắc. Hướng Bắc là hướng trên cùng của sơ đồ.

Hướng Bắc trên sơ đồ nền và trên sơ đồ địa bàn điều tra phải trùng nhau.

Ký hiệu hướng thường dùng trên sơ đồ là:



Nếu nhìn bản đồ/sơ đồ theo hướng Bắc thì:

- Bên tay phải là hướng Đông;
- Bên tay trái là hướng Tây;
- Sau lưng là hướng Nam.

## 6. Nhà

Là loại công trình xây dựng bao gồm ba bộ phận chính: tường, mái, sàn.

## 7. Nhà ở

Là nhà con người dùng để ở (ăn, ngủ, sinh hoạt).

## 8. Nơi ở

Nơi ở là nơi mà ở đó người ta có thể ăn ở, sinh hoạt.

Nơi ở có thể là được xây dựng, cải tạo hoặc thu xếp cho con người làm nơi cư trú; hoặc nơi được sử dụng làm nơi cư trú mặc dù thực sự nó không được dự định để làm nơi cư trú như: toa xe, toa tàu cũ, gầm cầu, hang, động.

Nơi ở phổ biến là nhà ở.

Để đảm bảo việc vẽ sơ đồ, lập bảng kê chính xác, không bỏ sót hộ và nhân khẩu thực tế cư trú trong địa bàn, những nơi sau đây nếu có người cư trú thường xuyên như: gầm cầu, gầm cầu thang, cống, lều, lán, hang, động... cũng được gọi là nơi ở. Những nơi ở này cũng được vẽ trên sơ đồ bằng ký hiệu chữ A (**A1, A2, A3...**) và phải có chú thích, nơi đó là gì? (gầm cầu, hang, động, lều, lán...).

## 9. Bảng kê số nhà, số hộ, số người

Là bảng liệt kê các ngôi nhà, căn hộ có người ở, các hộ và số nhân khẩu thực tế thường trú của từng hộ trong địa bàn, theo một số tiêu thức chính về hộ và nhân khẩu, kể cả những nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên.

## 10. Thời điểm lập bảng kê

Là thời điểm cán bộ lập bảng kê đến hộ để lập bảng kê.

## 11. Đơn vị lập bảng kê

- Là hộ (xem khái niệm hộ ở Mục 13, Chương I); và
- Các cơ quan, đơn vị có nhân khẩu đặc thù.

(Khái niệm nhân khẩu thực tế thường trú và nhân khẩu đặc thù được trình bày ở Mục 15 và Mục 16, Chương I).

## 12. Đối tượng lập bảng kê cụ thể thuộc phạm vi, ranh giới một địa bàn

Đối tượng lập bảng kê cụ thể thuộc phạm vi, ranh giới một địa bàn gồm:

- a. Các ngôi nhà/căn hộ có người ở trong địa bàn;
- b. Những người được xác định là nhân khẩu thực tế thường trú của các hộ thuộc địa bàn điều tra; và
- c. Các nhân khẩu đặc thù thuộc địa bàn điều tra.

## 13. Hộ

Hộ bao gồm một người ăn ở riêng hay một nhóm người ở chung và ăn chung. Đối với hộ có từ 02 người trở lên, những người trong hộ có thể có hay không có quỹ thu chi chung, có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hôn nhân, hay nuôi dưỡng, hoặc kết hợp cả hai.

Trong hầu hết các trường hợp, một hộ chỉ bao gồm những người có quan hệ huyết thống hoặc hôn nhân như bố mẹ và các con, hoặc các gia đình nhiều thế hệ.

Trong một số trường hợp, thậm chí chỉ những người có quan hệ họ hàng xa hoặc không có họ hàng với nhau ở chung và ăn chung tạo thành một hộ.

Thông thường, một hộ gồm những người ở chung trong một nhà. Tuy nhiên, trong một số trường hợp khi có hai gia đình trở lên hoặc có hai nhóm người trở lên không có quan hệ họ hàng, tuy có ở chung trong một nhà nhưng không ăn chung với nhau, mỗi nhóm gia đình như vậy tạo thành một hộ.

Một người tuy ở chung trong cùng một nhà với một hộ, nhưng lại nấu ăn riêng hoặc ăn ở nơi khác, thì người đó không được coi là nhân khẩu thực tế thường trú của hộ chung nhà mà phải tách ra thành một hộ riêng.

Nếu hai nhóm người tuy ăn chung nhưng lại ngủ riêng ở hai nhà ở khác nhau, thì hai nhóm này tạo thành hai hộ khác nhau.

Trường hợp đặc biệt khi các trẻ em còn phụ thuộc kinh tế vào bố, mẹ nhưng lại ngủ ở (các) nhà ở gần đó (hộ có nhiều nơi ở), thì quy ước số trẻ em này là nhân khẩu thực tế thường trú của hộ bố, mẹ chúng.

## 14. Chủ hộ

Là người đại diện của hộ được các thành viên trong hộ thừa nhận.

Đối với hộ chỉ có các cháu nhỏ thì cháu nhiều tuổi nhất được coi là chủ hộ.

## 15. Nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ: Xem Phần VII, VIII, IX Chương II “Số tay điều tra viên” (địa bàn mẫu), Tập 2

## 16. Nhân khẩu đặc thù

Nhân khẩu đặc thù, bao gồm:

- Những người sống trong các nhà dưỡng lão, trại trẻ mồ côi, làng trẻ SOS, các trường/lớp học tình thương, trại phong/hủi, trung tâm/trường/trại và các cơ sở xã hội khác đóng tập trung trên phạm vi, ranh giới của xã/phường/thị trấn do ngành Lao động-Thương binh và Xã hội trực tiếp quản lý; bệnh nhân sống trong các trại phong/hủi, bệnh viện tâm thần, những người đang cai nghiện ở các trại cai nghiện ma túy, v.v...;
- Học sinh đang ở tập trung (không kể học sinh phổ thông đi trọ học) trong các trường thanh thiếu niên, trường phổ thông nội trú, trường vừa học, vừa làm, trường câm/điếc, các tu sỹ trong các tu viện, các nhà sư hoặc tu sỹ sống trong các nhà chung, nhà chùa;
- Học sinh các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học và các trường nội trú hiện đang thực tế thường trú trong ký túc xá;
- Những người lang thang, cơ nhỡ, không có nhà ở và những người sống bằng nghề trên mặt nước, những bệnh nhân không nơi nương tựa đang điều trị nội trú trong các bệnh viện (và không có bất kỳ một nơi thường trú nào khác).

### **Lưu ý:**

Đối với những người sống bằng nghề trên mặt nước:

- + Nếu họ có nhà ở trên bờ: nhà ở của họ thuộc địa bàn nào sẽ do địa bàn đó lập bảng kê;
- + Nếu họ không có nhà ở trên bờ nhưng có đăng ký bến gốc: Bến gốc của họ thuộc địa bàn nào sẽ do địa bàn đó lập bảng kê;
- + Những hộ không có nhà trên bờ, không có bến gốc và những người lang thang cơ nhỡ không phải lập bảng kê. Số này sẽ được điều tra theo kế hoạch riêng.




## **CHƯƠNG II**

### **VẼ SƠ ĐỒ NỀN CỦA XÃ/PHƯỜNG**

#### **I. NỘI DUNG SƠ ĐỒ NỀN CỦA XÃ/PHƯỜNG**

Sơ đồ nền của xã/phường thể hiện những nội dung sau đây:

1. Tên của sơ đồ “SƠ ĐỒ NỀN CỦA XÃ/PHƯỜNG ...”: ghi ở khoảng giữa phía trên cùng của trang giấy;
2. Thông tin định danh: tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phường: ghi ở góc trái phía trên;
3. Hướng Bắc của sơ đồ: (  ), ghi to, rõ ở vị trí thích hợp.  
Hướng Bắc là hướng trên cùng của sơ đồ nền;
4. Đường ranh giới bao quanh xã/phường và tên các địa phương giáp ranh;
5. Những yếu tố địa lý cơ bản của xã/phường như: đường giao thông, phố, ngõ, sông, ngòi, hồ, ao, cầu, cống, v.v... và các điểm đặc trưng để định hướng như Ủy ban Nhân dân, cây cổ thụ, trường học, cơ sở y tế, đình, chùa, nhà thờ, chợ, tượng đài, cột điện cao thế, v.v...;
6. Ranh giới giữa các thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố;
7. Tên từng thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố;
8. Tổng số địa bàn điều tra của xã, phường;
9. Ranh giới từng địa bàn điều tra;
10. Tên từng địa bàn điều tra;
11. Số thứ tự của từng địa bàn điều tra;
12. Số hộ cư trú thường xuyên của từng địa bàn điều tra;
13. Giải thích các ký hiệu sử dụng trong sơ đồ, thường được ghi ở góc dưới bên phải;
14. Phần “Ngày vẽ, người vẽ sơ đồ; ngày hiệu chỉnh, người hiệu chỉnh”: ghi ở góc dưới bên trái hoặc bên phải.

#### **II. QUY TRÌNH VẼ SƠ ĐỒ NỀN CỦA XÃ/PHƯỜNG**

##### **1. Quy định chung**

1.1. Loại giấy dùng để vẽ sơ đồ nền là giấy dày, có trọng lượng từ 100 gram/m<sup>2</sup> trở lên. Khổ giấy dùng để vẽ sơ đồ nền về cơ bản dùng khổ A3 (29,7 cm x 42cm). Tuy nhiên, nếu xã/phường nào có nhiều địa bàn và cần phải thể hiện nhiều vật định hướng lên sơ đồ, thì có thể dùng giấy khổ lớn hơn A3, song phải đảm bảo độ dày của giấy để tránh bị nhàu nát.

1.2. Chọn bản đồ sử dụng làm căn cứ vẽ sơ đồ nền của xã/phường: Có thể chọn

- Bản đồ đã số hóa: theo Quyết định số 94/2008/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ (Mục 6, Điều 4), “Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp bản đồ hành chính đã số hóa đến cấp xã/phường để làm căn cứ phân chia địa bàn điều

tra trong cả nước”, Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở các tỉnh/thành phố phải khai thác hệ thống bản đồ này đang lưu giữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường để phục vụ việc xây dựng sơ đồ nền của xã/phường.

- Hoạch bản đồ hành chính hiện có: nếu vì lý do nào đó, không có bản đồ số hóa, Ban chỉ đạo xã/phường có thể dùng một trong các loại bản đồ hiện có của xã/phường, tốt nhất là dùng bản đồ hành chính.

Nếu bản đồ có sẵn có nội dung quá chi tiết, thì khi can vẽ sang sơ đồ nền có thể bỏ bớt các nội dung không cần thiết. Ngược lại, nếu bản đồ có sẵn không vẽ các vật định hướng, thì căn cứ vào thực tế có thể vẽ bổ sung các vật định hướng vào sơ đồ nền.

1.3. Khi vẽ nháp sơ đồ nền (và sơ đồ địa bàn điều tra) có thể vẽ bằng bút chì, nhưng khi hoàn thiện phải dùng bút bi màu xanh hoặc màu đen.

## **2. Trình tự vẽ sơ đồ nền của xã/phường**

### **2.1. Xây dựng sơ đồ nền của xã/phường từ bản đồ đã chọn**

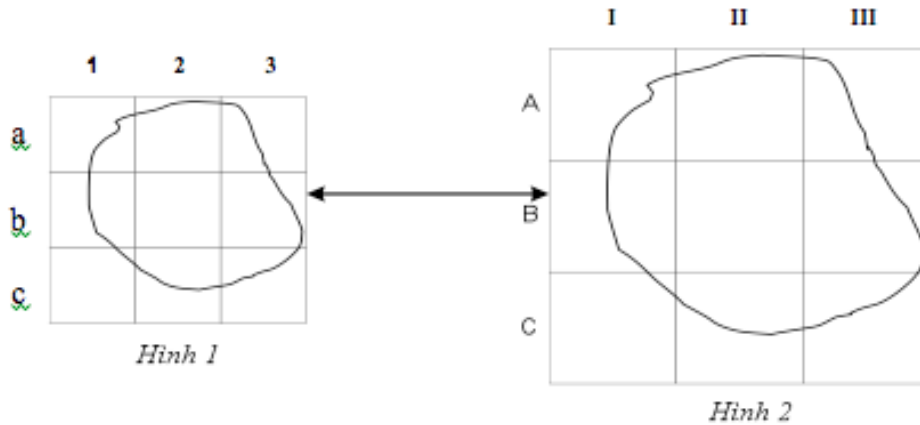
- Nếu kích thước của bản đồ đã chọn phù hợp với việc vẽ sơ đồ nền và bản đồ đã chọn không phải trả lại cho bất kỳ ai, thì dùng luôn bản đồ này để xây dựng sơ đồ nền của xã/phường;
- Nếu kích thước của bản đồ đã chọn quá to hay quá nhỏ so với khổ giấy dự định vẽ sơ đồ nền của xã/phường (khổ giấy A3 hoặc khổ giấy lớn hơn A3), thì phải phóng to hoặc thu nhỏ cho phù hợp với khổ giấy dùng để vẽ sơ đồ nền.

Cách phóng to, thu nhỏ bản đồ/sơ đồ

Bản đồ/sơ đồ có thể phóng to, thu nhỏ bằng nhiều cách như:

- + Những nơi có máy photocopy, nên sử dụng để giúp cho công việc này được thực hiện nhanh chóng, đơn giản;
- + Những nơi không có máy photocopy, thì có thể vẽ bằng tay. Đơn giản nhất là sử dụng phương pháp lưới ô vuông. Công việc này được tiến hành như sau:
  - Chia bản đồ có sẵn (gọi tắt là “nguồn”) thành các ô vuông bằng nhau (các ô vuông càng nhỏ thì việc vẽ càng chính xác);
  - Nếu muốn phóng hoặc thu sơ đồ to lên hoặc nhỏ xuống bao nhiêu lần, thì chia phần giấy dùng để phóng to lên hoặc thu nhỏ xuống (gọi tắt là “đích”) ra thành các ô vuông có cạnh dài hơn hoặc ngắn hơn bấy nhiêu lần so với cạnh hình vuông của “nguồn”;
  - Vẽ trên từng ô vuông của tờ giấy “đích” những đặc điểm của từng ô vuông tương ứng trong bản đồ “nguồn” để có được hình đồng dạng.

Xem minh họa ở hình dưới đây:



**Lưu ý:**

- + Để thuận tiện cho việc xác định vị trí, các ô vuông ở cả “nguồn” và “đích” được đánh số theo chiều ngang và chữ theo chiều dọc;
- + Số lượng ô vuông hàng ngang và hàng dọc của mỗi bản đồ/sơ đồ có thể khác nhau;
- + Số lượng ô vuông hàng ngang và hàng dọc của “nguồn” và “đích” phải như nhau;
- + Khi kẻ ô vuông và vẽ nên dùng bút chì để dễ dàng tẩy xóa khi hoàn thiện.

2.2. Vẽ đường ranh giới bao quanh xã/phường

**Chú ý:**

- Trường hợp có đoạn đường ranh giới của xã/phường trùng với đường ranh giới của một xã/phường thuộc huyện/quận khác trong cùng tỉnh/thành phố, thì vẽ đường ranh giới theo đường ranh giới huyện/quận và ghi tên huyện/quận giáp ranh;
- Trường hợp có đoạn đường ranh giới của xã/phường trùng với đường ranh giới của một xã/phường thuộc huyện/quận khác của một tỉnh/thành phố khác, thì vẽ đường ranh giới theo đường ranh giới tỉnh/thành phố và ghi tên tỉnh/thành phố giáp ranh đó;
- Trường hợp có đoạn đường ranh giới của xã/phường trùng với đường biên giới quốc gia, thì vẽ đường ranh giới theo đường biên giới quốc gia và ghi tên quốc gia giáp ranh đó.

2.3. Vẽ ký hiệu hướng của sơ đồ xã/phường theo hướng Bắc.

2.4. Vẽ ký hiệu đường giao thông, sông, suối... và các vật định hướng dễ nhận biết và cần thiết khác như: trụ sở Ủy ban Nhân dân, trường học, chợ, đình, chùa v.v...

2.5. Vẽ ký hiệu ranh giới các thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố, ghi tên và số hộ của các thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố.

2.6. Sau khi vẽ xong các ký hiệu nêu trên, đi thực địa, đối chiếu sơ đồ đã vẽ với thực địa để phát hiện những thay đổi trên thực địa mà chưa được cập nhật vào bản đồ nên như: trường học mới xây dựng, đường giao thông mới mở v.v... để vẽ bổ sung những ký hiệu đó lên sơ đồ cho sát với thực tế.

## Lưu ý:

Nếu xã/phường không có bất kỳ loại bản đồ nào, có thể căn cứ vào bản đồ của huyện/quận để can vẽ/phóng to sơ đồ của xã/phường rồi tiến hành các bước như trên.

### 3. Phân chia sơ đồ nền của xã/phường ra các địa bàn điều tra

#### a. Nguyên tắc phân chia sơ đồ nền của xã/phường ra các địa bàn điều tra

Việc phân chia xã/phường ra các địa bàn điều tra được dựa trên những nguyên tắc sau đây:

- Quy mô **địa bàn chuẩn** do Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương quy định (xem Địa bàn điều tra, Mục III, Chương I);
- Lấy thôn xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố làm căn cứ để phân chia hoặc ghép thành các địa bàn điều tra;
- Mỗi thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố đều phải thuộc một địa bàn cụ thể, không để sót một thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố nào;
- Ranh giới giữa các địa bàn điều tra phải rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng.

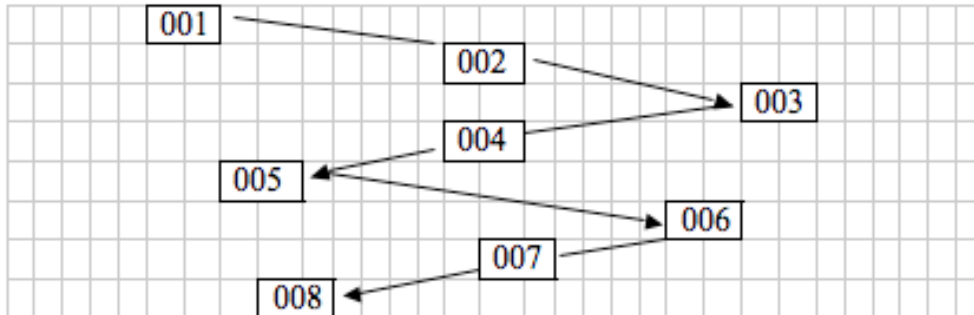
#### b. Quy trình phân chia sơ đồ nền của xã/phường ra các địa bàn điều tra

- (1) Đánh dấu các thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố có số hộ quá lớn hoặc quá nhỏ so với số hộ của địa bàn chuẩn do Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương quy định cho một địa bàn thuộc vùng địa lý tương ứng. (Không phải đánh dấu các thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố có số hộ tương đương với quy mô địa bàn chuẩn vì thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố đó chính là một địa bàn điều tra).
- (2) Chia **trong nội bộ** từng thôn xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố có số hộ quá lớn so với quy mô địa bàn chuẩn để được hai (hoặc nhiều hơn) địa bàn mà mỗi địa bàn có số hộ nằm trong khoảng cho phép của địa bàn chuẩn.
- (3) Ghép **trộn** thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố có số hộ quá nhỏ so với quy mô địa bàn chuẩn với thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố, liền nhau để được một địa bàn điều tra có số hộ nằm trong khoảng cho phép của địa bàn chuẩn.

## Chú ý:

- Không được “xé lẻ” một phần thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố này để ghép với một thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố khác và ngược lại, cũng không được ghép thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố này với một phần “xé lẻ” của thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố khác.
- Đối với một số thôn, xóm, ấp, bản ở quá xa xôi, hẻo lánh, đường đi, lối lại quá khó khăn, có số hộ nhỏ hơn quy mô địa bàn chuẩn, thì không nhất thiết phải ghép với thôn, xóm, ấp, bản khác để được địa bàn có quy mô gần với quy mô địa bàn chuẩn. Trường hợp này ta để thôn, xóm, ấp, bản đó là một địa bàn điều tra.
- (4) Xác định và vẽ rõ ràng ranh giới của từng địa bàn điều tra trên sơ đồ nền (ranh giới địa bàn có thể là đường đi, kênh rạch, nương máng hoặc đường phân cách giữa hai dãy nhà...);

- (5) Đánh số thứ tự cho từng địa bàn điều tra: Số thứ tự của các địa bàn được đánh liên tục theo trật tự từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông, rồi từ Đông sang Tây... (theo hướng Bắc của sơ đồ nền) bằng số tự nhiên, bắt đầu từ “001”. Cách đánh số thứ tự này được minh họa theo hình dích dắc dưới đây:



#### 4. Lập danh sách địa bàn điều tra của xã/phường

Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở xã/phường lập danh sách địa bàn điều tra theo mẫu thống nhất và gửi lên Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh (gọi tắt là huyện/quận) **trước ngày 10 tháng 11 năm 2008** (Phụ lục 6).

Khi lập danh sách địa bàn phải ghi sao cho có thể tổng hợp được số hộ theo từng thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố của xã/phường. Cần ghi cụ thể tên các địa bàn “ghép” để có thể biết được số hộ của từng đơn vị ghép đó.

Chú ý: Nếu một địa bàn phải ghép 2 tổ dân phố, thôn, xóm, ấp, bản thì phải tách riêng số liệu cho từng tổ dân phố, thôn, xóm, ấp, bản đó. Số thứ tự của địa bàn của 2 tổ dân phố, thôn, xóm, ấp, bản đó là cùng một số, ví dụ:

**PHỤ LỤC 6: BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở  
TRUNG ƯƠNG**

**Danh sách địa bàn điều tra của xã/phường**

Tỉnh/thành phố: .....A.....

Huyện/quận: ..B.....

Xã/phường: .....C.....

Thành thị/nông thôn (Thành thị = 1; Nông thôn = 2):.....


STT địa bàn điều tra	Địa chỉ địa bàn điều tra	Số hộ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
001	Thôn Hạ Kỳ	102	
002	Thôn Hải Lạng (Địa bàn 2)	87	
003	Thôn Hải Lạng (Địa bàn 3)	95	
004	Thôn Hải Lạng Trang (Địa bàn 4)	36	
004	Thôn Hưng Lộc (Địa bàn 4)	55	
.....	.....		
012	Thôn Hưng Nghĩa (Địa bàn 12)	99	
013	Thôn Hưng Nghĩa (Địa bàn 13)	103	
014	Thôn Hưng Thịnh (Địa bàn 14)	89	
015	Thôn Hưng Thịnh (Địa bàn 15)	105	
016	Thôn Bình A	101	
.....	.....		
<b>TỔNG SỐ</b>			
<b>- Tổng số ĐBĐT:</b>			
<b>- Số ĐTV cần tập huấn:</b>			
+ ĐTV chính thức:			
+ ĐTV dự phòng:			

....., ngày ..... tháng ..... năm 2008

**Ban chỉ đạo TĐTDS và nhà ở xã/phường**

*(Ký, đóng dấu của UBND xã/phường)*

## **CHƯƠNG III**


### **VẼ SƠ ĐỒ ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA**

#### **I. QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Loại giấy dùng để vẽ sơ đồ địa bàn điều tra là giấy dày, có trọng lượng từ 100 gram/m<sup>2</sup> trở lên. Khổ giấy dùng để vẽ sơ đồ địa bàn điều tra là giấy khổ A3 (29,7 cm x 42 cm).
2. Hướng trên sơ đồ địa bàn điều tra là hướng Bắc và trùng với hướng Bắc của sơ đồ nền.
3. Khi vẽ (phóng to) một sơ đồ địa bàn điều tra đã được phân chia trên sơ đồ nền của xã/phường sang khổ giấy A3 (giấy vẽ sơ đồ địa bàn điều tra), phải bảo đảm hình dạng của địa bàn ở sơ đồ địa bàn giống với hình dạng của sơ đồ địa bàn đã vẽ trên sơ đồ nền.  
  
Nếu có địa bàn điều tra nào nằm trên một dải đất quá dài, dùng một tờ giấy A3 không vẽ được đầy đủ ký hiệu các ngôi nhà trên sơ đồ, có thể thu hẹp các khoảng trống trên thực địa (nhưng vẫn phải đảm bảo giống về hình dạng) để vẽ cho đủ ký hiệu các ngôi nhà vào sơ đồ.
4. Các xã đặc biệt khó khăn (như các xã thuộc Chương trình 135) không phải vẽ chi tiết ký hiệu các ngôi nhà.
5. Các cơ quan, đơn vị có “nhân khẩu đặc thù” không phải vẽ sơ đồ địa bàn điều tra.

#### **II. NỘI DUNG CỦA SƠ ĐỒ ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA**

Nội dung của sơ đồ địa bàn điều tra gồm:

1. Tên của sơ đồ “SƠ ĐỒ ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA SỐ . . .”: được ghi ở khoảng giữa phía trên của sơ đồ.
2. Thông tin định danh: Tỉnh/thành phố, huyện/quận, xã/phường, tên địa bàn điều tra, tổng số nhà, tổng số nhà có người ở: được ghi ở góc trái phía trên sơ đồ.
3. Hướng Bắc (  ) của sơ đồ được ghi to, rõ ở vị trí thích hợp trên sơ đồ.
4. Đường ranh giới bao quanh địa bàn, số thứ tự và tên của các địa bàn (hoặc tên địa phương) giáp ranh.
5. Những yếu tố địa lý cơ bản của địa bàn như: đường giao thông, phố, ngõ, sông, ngòi, hồ, ao, cầu cống, v.v... và các điểm đặc trưng để định hướng như trụ sở ủy ban nhân dân, cây cổ thụ, trường học, cơ sở y tế, đình, chùa, nhà thờ, v.v...
6. Điểm xuất phát từ ngôi nhà đầu tiên.
7. Vị trí của từng ngôi nhà và hướng đi đến từng ngôi nhà.
8. Số thứ tự của mỗi ngôi nhà có người ở (được đánh số theo trật tự tự nhiên, bắt đầu là số “1”) cùng ký hiệu biểu thị số tầng nhà (đối với những ngôi nhà có từ hai tầng trở lên); ký hiệu của những nơi không phải là nhà nhưng có người cư trú thường xuyên (nơi ở).
9. Bảng giải thích các ký hiệu sử dụng trong sơ đồ: Ghi ở góc dưới bên phải. Ngoài các ký hiệu trình bày ở Phụ lục 1, có thể đưa thêm ký hiệu khác, nhưng phải giải thích.

10. Ghi ngày, tháng và ký xác nhận vào phần: “Ngày vẽ, người vẽ, người kiểm tra; ngày hiệu chỉnh, người hiệu chỉnh sơ đồ” được bố trí ở góc dưới bên trái.

**Lưu ý:**

Trước khi ghi ngày, tháng và ký xác nhận, người vẽ sơ đồ phải đếm số lượng nhà, số lượng nhà có người ở và ghi kết quả vào các ô mã tương ứng với dòng “Tổng số nhà”, “Tổng số nhà có người ở” của phần định danh.

Minh họa bố trí nội dung của một sơ đồ địa bàn điều tra như sau:

Tỉnh/thành phố: \_\_\_\_\_

SƠ ĐỒ ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA SỐ...

Huyện/quận: \_\_\_\_\_

Xã/  
phường: \_\_\_\_\_

Địa bàn điều tra số.....

Tên ĐBĐT: \_\_\_\_\_

Tổng số nhà:.....

Tổng số nhà có người ở:.....

.....

Giải thích các ký hiệu

Ngày vẽ: \_\_\_\_\_

Người vẽ: \_\_\_\_\_

Ngày hiệu chỉnh: \_\_\_\_\_

Người hiệu chỉnh: \_\_\_\_\_



### III. VẼ SƠ ĐỒ ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA

Sau khi phân chia xong các địa bàn điều tra trên sơ đồ nền của xã/phường, chúng ta phải tiến hành vẽ sơ đồ cho từng địa bàn điều tra theo trình tự sau:

1. Sao đường ranh giới của địa bàn điều tra từ sơ đồ nền của xã/phường sang tờ giấy khổ A3 (áp dụng phương pháp phóng to bản đồ/sơ đồ đã trình bày ở phần vẽ sơ đồ nền xã/phường);

Hình dạng của địa bàn đã được sao (phóng to) trên giấy vẽ sơ đồ địa bàn (A3) phải giống với hình dạng của địa bàn đã được vẽ trên sơ đồ nền của xã/phường để khi ghép các địa bàn lại với nhau sẽ có sơ đồ nền hoàn chỉnh của xã/phường.

Nếu địa bàn điều tra có những khu đất rộng (đồng ruộng, rừng, đồi núi, ao hồ, ...), thì cần thu hẹp những khu đất đó lại, sao cho phần đất có dân cư trú đủ rộng để vẽ đầy đủ ký hiệu cho tất cả các ngôi nhà (có người ở và không có người ở) lên sơ đồ.

Trường hợp có những đoạn đường ranh giới của địa bàn điều tra trùng với đường ranh giới của đơn vị hành chính cấp trên (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố, quốc gia), thì vẽ đường ranh giới địa bàn theo đường ranh giới của đơn vị hành chính giáp ranh cao nhất và ghi tên đơn vị hành chính giáp ranh cao nhất đó.

Ví dụ, địa bàn 005 của xã Minh Tâm, huyện Quảng Lăng, tỉnh X có một đoạn ranh giới giáp ranh với địa bàn 003 của xã Tam Nông, huyện Phong Phú, tỉnh Y, thì vẽ ranh giới cho đoạn giáp ranh đó theo ký hiệu đường ranh giới tỉnh và ghi tên đơn vị giáp ranh là tỉnh Y.

2. Ghi số thứ tự các địa bàn giáp ranh (trên sơ đồ nền) với địa bàn đã được sao từ sơ đồ nền sang khổ giấy A3. Chú ý cách ghi tên đơn vị hành chính có đoạn đường ranh giới trùng với đường ranh giới của địa bàn điều tra như đã nêu ở trên.

3. Sao hướng Bắc từ sơ đồ nền của xã/phường sang sơ đồ địa bàn điều tra (hướng Bắc trên sơ đồ nền phải trùng với hướng Bắc trên sơ đồ địa bàn điều tra). Cách sao như sau:

Thứ nhất, đặt một đoạn của một con đường (hoặc một con sông, kênh, rạch...) có trên sơ đồ địa bàn điều tra trùng với đoạn đường (hoặc một con sông, kênh, rạch...) đó trên bản đồ hay sơ đồ nền của xã/phường.

**Chú ý:** Nên dùng một đoạn thẳng của một con đường (hoặc sông, kênh, rạch...) để đặt lên bản đồ mà không nên dùng những đoạn quanh co, uốn khúc, vì như thế sẽ khó đặt trùng lên bản đồ (do vẽ không theo tỷ lệ);

Thứ hai, trên vị trí dùng để vẽ hướng (Bắc) của địa bàn điều tra, kẻ một mũi tên song song với mũi tên chỉ hướng (Bắc) có trên bản đồ hay sơ đồ nền của xã/phường. Mũi tên vừa kẻ đó chính là hướng (Bắc) của sơ đồ địa bàn điều tra.

4. Sao các đặc điểm tự nhiên và nhân tạo (các con đường, ao, hồ, đầm, kênh, rạch, chợ, trường học, các vật định hướng khác) đã được thể hiện trên sơ đồ nền của xã/phường lên các vị trí tương xứng trên sơ đồ địa bàn điều tra (theo đúng hướng) và vẽ ký hiệu cho chúng theo các ký hiệu đã được trình bày ở Phụ lục 1.

5. Đi khảo sát toàn bộ địa bàn để xác định:

- Có bao nhiêu con đường, ngõ, hẻm trong phạm vi địa bàn chưa được thể hiện trên sơ đồ;

- Trên mỗi con đường, ngõ, hẻm đã được vẽ trên sơ đồ, định vị tương đối chính xác các đặc điểm quan trọng như ngõ, đền, chùa, trường học, trụ sở uỷ ban nhân dân để ước lượng (có thể đếm bước chân đối với những chỗ có thể đếm được) độ dài của mỗi con đường, ngõ, hẻm, khoảng cách từ vật định hướng này đến vật định hướng kia... xem có bao nhiêu ngôi nhà ở từng bên của con đường, ngõ, hẻm đó (nhiều ngôi nhà trên khu đất của một hộ, một cơ quan, xí nghiệp, trường học,... cũng được coi là một ngôi nhà) có người ở và không có người ở;
- Có vật định hướng nào chưa được thể hiện trên sơ đồ và vị trí của những vật định hướng đó để thể hiện trên sơ đồ.

6. Căn cứ kết quả khảo sát địa bàn nói trên và khoảng cách đã ước lượng được, tiến hành phân phối các khoảng không gian trên giấy vẽ sơ đồ địa bàn cho từng con đường, ngõ, hẻm... sao cho đủ chỗ để vẽ tất cả các ký hiệu nhà của từng con đường, ngõ, hẻm đó.

7. Xác định điểm xuất phát thuận tiện để xây dựng quy trình đi đến từng ngôi nhà có trong địa bàn, sao cho: đường đi là ngắn nhất; dễ đi nhất; và điều quan trọng là để sau này cán bộ lập bảng kê đi lập bảng kê, điều tra viên đi điều tra sẽ không bỏ sót bất kỳ một ngôi nhà có người ở nào. Đánh dấu điểm xuất phát trên sơ đồ bằng dấu “X”.

8. Đi thực địa theo quy trình được xác định ở trên, lần lượt vẽ ký hiệu cho các ngôi nhà, xác định những ngôi nhà có người ở và đánh số thứ tự cho những ngôi nhà có người ở theo trật tự tự nhiên (1, 2, 3, 4...), bắt đầu từ ngôi nhà có người ở đầu tiên là điểm xuất phát đến ngôi nhà có người ở cuối cùng trong phạm vi địa bàn.

9. Vẽ mũi tên từ điểm xuất phát (thường là ngôi nhà có người ở đầu tiên) đến ngôi nhà có người ở tiếp theo và cứ vẽ như thế cho đến ngôi nhà cuối cùng của địa bàn ( X .→).

Nhắc lại:

- Đối với những ngôi nhà/căn hộ có người cư trú thường xuyên, đánh số thứ tự theo số tự nhiên liên tục: 1, 2, 3...;
- Đối với những nơi không phải là nhà nhưng có người cư trú thường xuyên, ghi ký hiệu theo trật tự: A1; A2; A3....

Ví dụ: Giữa ngôi nhà 16 và 17 có một nơi không phải nhà ở nhưng có người cư trú thường xuyên, trước ngôi nhà 18 lại có một nơi không phải nhà ở nhưng có người cư trú thường xuyên, ghi số thứ tự nhà có người ở và ký hiệu nơi không phải nhà ở nhưng có người cư trú thường xuyên như sau:

15      16      A1      17      18      A2      19      ....

### **Một số điểm lưu ý khi vẽ nhà:**

- Ước lượng vị trí từng ngôi nhà, khoảng cách từ ngôi nhà này đến ngôi nhà khác và phân bố các ngôi nhà trong địa bàn tương ứng (hoặc gần tương ứng) với thực địa để vẽ trên sơ đồ. Trường hợp địa bàn ở miền núi có những khoảng trống quá rộng, có thể thu nhỏ (không theo tỷ lệ thực tế) các khoảng trống này để có đủ chỗ vẽ nhà trên sơ đồ. Hoặc ở thành phố có những nơi dân cư đông đúc, trong phạm vi địa bàn lại có khoảng đất rộng như bến xe, nhà ga, công viên..., thì cũng cần thu nhỏ khoảng trống đó lại để có đủ chỗ vẽ nhà trên sơ đồ, nhưng phải bảo đảm hình dạng của khoảng trống thu nhỏ giống hình dạng khoảng trống trên thực địa.

- Trường hợp **một hộ** đang thực tế cư trú trong nhiều ngôi nhà trên cùng một khu đất, **quy ước chỉ vẽ một ký hiệu** nhà tượng trưng cho các ngôi nhà trong khu đất đó.
- Đối với một toà nhà chung cư, bao gồm nhiều tầng, nhiều căn hộ, quy ước như sau: vẽ ký hiệu nhà chung cư đó như ký hiệu những nhà bình thường, ghi số tầng nhà và đánh số thứ tự cho cả toà nhà chung cư đó như thứ tự những ngôi nhà có người ở bình thường khác, nhưng phải có một phụ lục, trong phụ lục này phải ghi: tên nhà chung cư, địa chỉ, người quản lý hoặc trưởng đại diện, ngôi nhà này gồm tổng số bao nhiêu căn hộ có người ở của từng tầng nhà, giúp cho người lập bảng kê sau này không bỏ sót hoặc tính trùng.

*Ví dụ: Nhà có số thứ tự 15 trên sơ đồ là nhà chung cư, ghi chú như sau:*

Nhà có số thứ tự số 15 trên sơ đồ là nhà chung cư X1, khu tập thể Trương Định, Phường An Cư, có 5 tầng, mỗi tầng có 8 căn hộ, trong đó có căn hộ 302 (tầng 3) không có người ở. Ông Mai là trưởng đại diện của nhà X1.

- Trường hợp trong một nhà thờ, trường học, trụ sở cơ quan... có một số hộ thực tế cư trú thường xuyên, quy ước vẽ ký hiệu nhà thờ, trường học, trụ sở cơ quan... và đánh số thứ tự nhà cho nhà thờ, trường học, cơ quan đó, kèm theo phụ lục ghi số thứ tự các phòng có người ở thường xuyên.
- Các ngôi nhà không có người ở, nhà đang xây dựng cũng được vẽ ký hiệu trên sơ đồ nhưng không đánh số thứ tự.
- Cần lưu ý đối với những ngôi nhà bị che khuất. Ở một số khu vực, các ngôi nhà được xây dựng không theo một trật tự nào, dễ bị bỏ sót. Nếu có con đường nhỏ dẫn đến ngôi nhà, kiểm tra xem có đường nhỏ đi từ đó đến ngôi nhà khác không. Những người sống ở khu vực đó có thể giúp xác định những ngôi nhà bị che khuất.
- Khi vẽ nhà trên sơ đồ, thì:
  - + Với nhà chung tường hoặc liền tường, sẽ vẽ liền (□□);
  - + Với nhà không liền tường, sẽ vẽ rời (□□).

Sơ đồ địa bàn điều tra sau khi vẽ xong, sẽ bàn giao cho Ban chỉ đạo xã/phường. Ban chỉ đạo xã/phường có trách nhiệm bảo quản để sử dụng cho bước lập bảng kê, hiệu chỉnh sơ đồ, bảng kê và điều tra. Sau khi điều tra xong, sơ đồ sẽ được bàn giao cho Ban chỉ đạo cấp huyện/quận.

## CHƯƠNG IV

# LẬP BẢNG KÊ SỐ NHÀ, SỐ HỘ, SỐ NGƯỜI CỦA ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA

### I. YÊU CẦU, NỘI DUNG CỦA MỘT BẢNG KÊ

1. Bảng kê phải thể hiện toàn bộ số nhà, số hộ của địa bàn điều tra, số nhân khẩu thực tế thường trú của mỗi hộ và của cả địa bàn.
2. Số thứ tự nhà ghi trong bảng kê (*Cột 1 Phụ lục 4*) phải khớp với số thứ tự nhà được đánh số trên sơ đồ địa bàn điều tra. Số thứ tự hộ trong bảng kê (*Cột 2 Phụ lục 4*) phải liên tục, từ số 001 cho hộ đầu tiên đến số cuối cùng (cho hộ cuối cùng của địa bàn).
3. Cán bộ lập bảng kê ghi chú vào một tờ giấy khác và kèm vào tập bảng kê các trường hợp sau đây:
  - Hộ/các hộ tạm vắng cả hộ trong thời gian lập bảng kê (ghi rõ địa chỉ);
  - Nhà/các nhà đang xây dựng sắp hoàn thành, đến lúc hiệu chỉnh hoặc điều tra có khả năng sẽ có người ở;
  - Nhà của cơ quan, xí nghiệp, trường học, các hộ ở trong nhà trọ, khách sạn, góc phố, gầm cầu thang, gầm cầu... có người ở.
4. Bảng kê số nhà, số hộ, số người do cán bộ lập bảng kê trực tiếp đến từng hộ để hỏi và xác định chính xác tổng số nhân khẩu thực tế thường trú rồi ghi vào bảng kê. Không được dùng bất kỳ một sổ sách nào để sao chép vào bảng kê.

Khi lập xong bảng kê, ghi ngày, tháng, vào vị trí quy định và bàn giao đầy đủ bảng kê, sơ đồ địa bàn điều tra cho Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở xã/phường.

### II. QUY TRÌNH LẬP BẢNG KÊ

Lập bảng kê chính là cuộc điều tra sơ bộ ban đầu về số nhà, số hộ, số người, do vậy cán bộ lập bảng kê phải thực hiện theo trình tự sau:

1. Nhận bàn giao địa bàn điều tra từ Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở xã/phường trên sơ đồ và trên thực địa;
2. Đi khảo sát thực địa để có một cái nhìn tổng quát về địa bàn điều tra mà mình sẽ lập bảng kê. Trong quá trình đi khảo sát, chú ý xem quy trình đi lại được thể hiện trên sơ đồ có hợp lý không? Nếu phát hiện chỗ nào chưa hợp lý thì báo cáo Ban chỉ đạo xã/phường để cho người điều chỉnh cho hợp lý;
3. Cầm sơ đồ địa bàn điều tra đi đến điểm xuất phát đã được cán bộ vẽ sơ đồ đánh dấu trên sơ đồ ( **X.→**), đi vào ngôi nhà có người ở đầu tiên của địa bàn điều tra (ngôi nhà có số thứ tự “1”), gặp và hỏi chủ nhà (hoặc một người lớn tuổi cư trú trong ngôi nhà đó) để xác định có mấy hộ thường xuyên ăn ở trong ngôi nhà đó. Sau đó, gặp chủ hộ của từng hộ để hỏi và xác định số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ, trong đó số nữ là bao nhiêu để ghi vào Cột 5 và Cột 6 của bảng kê theo đúng quy định.

Khi xác định số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ, cán bộ lập bảng kê phải dựa vào “Quy trình phỏng vấn xác định nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ” (Phụ lục 7).

4. Phải đi tuần tự các ngôi nhà: từ ngôi nhà có số thứ tự nhỏ đến ngôi nhà có số thứ tự lớn và đi theo hướng dẫn đã được cán bộ vẽ sơ đồ đánh dấu bằng mũi tên (→) chỉ trên sơ đồ.

Đối với nhà chung cư, phải đi lần lượt từng cầu thang, vào từng căn hộ của mỗi tầng, từ tầng 1 (trệt) lên đến tầng cao nhất.

5. Trong quá trình đi lập bảng kê, chú ý phát hiện những ngôi nhà có người thường xuyên ăn ở nhưng bị bỏ sót không được thể hiện trên sơ đồ.
6. Phải vào tất cả các ngôi nhà không được đánh số thứ tự trên sơ đồ (ngôi nhà không có người ở) để phát hiện có người cư trú trong đó không. Nếu có (những) ngôi nhà có người ở bị bỏ sót hoặc những nơi có người cư trú như: đình, chùa, trường học, cơ quan, bệnh viện, v.v.. thì báo cáo với Ban chỉ đạo xã/phường cử người bổ sung trên sơ đồ cho đủ.
7. Phát hiện những hộ chết cả hộ xảy ra trong phạm vi ranh giới của địa bàn, trong khoảng thời gian từ ngày 1 Tết Mậu Tý (vào ngày 7/2/2008 dương lịch) đến thời điểm lập bảng kê. Nếu có thì ghi mỗi trường hợp chết cả hộ vào một dòng ở cuối bảng kê câu “Hộ ông/bà [GHI HỌ VÀ TÊN] bị chết cả hộ, gồm có... người, trong đó có...nữ”.

### III. LẬP BẢNG KÊ SỐ NHÀ, SỐ HỘ, SỐ NGƯỜI CỦA ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA

#### 1. Mẫu bảng kê

Một bảng kê bao gồm 3 phần chính:

Phần 1: Thông tin định danh;

Phần 2: Các chỉ tiêu của bảng kê;

Phần 3: Ký tên.

Ban chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương quy định mẫu bảng kê số nhà, số hộ, số người thống nhất ở tất cả các địa bàn điều tra trong cả nước (Phụ lục 4).

#### 2. Hướng dẫn cách ghi bảng kê đối với nhân khẩu thực tế thường trú tại hộ (Phụ lục 4)

Phần 1: Thông tin định danh

- Ghi tên tỉnh/thành phố; huyện/quận; xã/phường vào các dòng kẻ liền và ghi mã số tỉnh/thành phố; huyện/quận; xã/phường vào các ô mã (mã số do Ban chỉ đạo xã/phường cung cấp).
- Ghi tên địa bàn điều tra vào dòng kẻ liền bên phải.
- Ghi số thứ tự của địa bàn vào 3 ô mã (nếu số thứ tự của địa bàn chỉ có 1 hoặc 2 chữ số thì ghi bổ sung (các) số 0 vào (các) ô mã bên trái).

Ví dụ: Số thứ tự của địa bàn là 9 và 15, ghi như sau:

Địa bàn điều tra số..... 

0	0	9
---	---	---

 ,      Địa bàn điều tra số..... 

0	1	5
---	---	---

- Thành thị/nông thôn?

+ Nếu địa bàn thuộc thành thị, ghi số 1 vào ô mã;

- + Nếu địa bàn thuộc nông thôn, ghi số 2 vào ô mã.
- Ghi “Đây là tờ số:        “ trong “Tổng số        tờ” của địa bàn.

## Phần 2: Các chỉ tiêu trong bảng kê

- Cột 1: Ghi số thứ tự nhà/nơi ở khớp với số thứ tự nhà/nơi ở đã ghi trên sơ đồ.
- Cột 2: Ghi số thứ tự hộ của một địa bàn: số thứ tự hộ được ghi theo thứ tự tự nhiên bắt đầu từ “001”. Số thứ tự hộ có thể trùng hoặc không trùng với số thứ tự nhà/nơi ở.
- Cột 3: Ghi họ và tên chủ hộ

Chủ hộ ghi ở bảng kê có thể trùng nhưng cũng có thể khác với chủ hộ đã ghi trong sổ hộ khẩu.

Chủ hộ ghi ở bảng kê phải đảm bảo hai điều kiện:

- + Thứ nhất: Phải là nhân khẩu thực tế thường trú của hộ;
- + Thứ hai: là người am hiểu thông tin của các người trong hộ.

Những hộ chỉ gồm các cháu nhỏ, thì chủ hộ là cháu nhiều tuổi nhất.

- Cột 4: Ghi địa chỉ của hộ như: số nhà, đường phố, ngõ, hẻm, tên thôn, xóm, ấp, bản... Khi ngôi nhà không có địa chỉ nhìn thấy được, mô tả ngôi nhà hoặc vị trí của nó cùng với thông tin chi tiết khác giúp xác định ngôi nhà (ví dụ, phía trước trường học Y, gần cửa hàng phân bón X, cạnh sông/kênh/rạch ...).
- Cột 5: Ghi tổng số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ.
- Cột 6: Ghi số nữ là nhân khẩu thực tế thường trú của hộ.
- Các cột 7, 8, 9, 10: Để trống (lúc hiệu chỉnh và điều tra sẽ ghi sau).
- Cột 11: Dành riêng cho điều tra viên ghi khí hiệu chỉnh và điều tra có sự thay đổi so với khí lập bảng kê.

## Phần 3: Ký xác nhận

Cán bộ lập bảng kê (cán bộ hiệu chỉnh) ghi rõ họ tên và ký vào trang chẵn tờ cuối của tập bảng kê.

### Một số lưu ý khi lập bảng kê:

(1) Đối với nhà chung cư/nhà nhiều tầng có chia ra các tầng, mỗi tầng lại có nhiều căn hộ (có nơi gọi là phòng, ví dụ phòng 506, nhà X1, Trương Định), mỗi căn hộ lại có hộ/các hộ cư trú trong đó, nhưng trên sơ đồ địa bàn điều tra chỉ vẽ một khuôn nhà tượng trưng cho ngôi nhà chung cư/nhà nhiều tầng đó và chỉ “gán” một số thứ tự nhà. Khi đó:

- Cột 1 “Số thứ tự nhà/nơi ở”: *Ghi đúng số thứ tự nhà mà cán bộ vẽ sơ đồ đã “gán” cho nhà chung cư/nhà nhiều tầng đó trên sơ đồ ở dòng có căn hộ đầu tiên. Các căn hộ tiếp theo của nhà chung cư/nhà nhiều tầng không phải ghi lại số đã “gán” trên sơ đồ.*
- Cột 2 “Số thứ tự hộ”: Ghi số thứ tự của từng hộ theo trật tự tiếp theo của số thứ tự hộ đã có trong bảng kê.

Ví dụ: Nhà chung cư X1- khu tập thể Trương Định, có 5 tầng, mỗi tầng có 8 căn hộ, mỗi căn hộ chỉ có một hộ cư trú.

Tầng 1: từ căn hộ 101 đến 108; tầng 2: từ căn hộ 201 đến 208; tầng 3: từ căn hộ 301 đến 308; tầng 4: từ căn hộ 401 đến 408 và tầng 5: từ căn hộ 501 đến 508.

Trong khi vẽ sơ đồ địa bàn điều tra, người vẽ sơ đồ chỉ vẽ một khuôn nhà tượng trưng và “gán” cho nhà chung cư này số thứ tự “18” trên sơ đồ, cách ghi vào bảng kê như sau:

STT nhà/ nơi ở	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ khi:			Ghi chú
				Lập bảng kê		.....	
				Tổng số	Nữ	.....	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	.....	(11)
.....	....	.....	.....	.....	....	.....	.....
17	060	.....	.....	.....	....	.....	.....
18	061	Nguyễn Quang Tam	101/X1- Trương Định	.....	....	.....	.....
	062	Trần Đình Đại	102/X1- Trương Định	.....	....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
	069	Lê Tấn Mộc	201/X1- Trương Định	.....	....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
	076	Nguyễn Thị Năm	208/X1- Trương Định	.....	....	.....	.....
	077	Đình Gia Khu	301/X1- Trương Định	.....	....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
	084	Trần Bình Sự	308/X1- Trương Định	.....	....	.....	.....
	085	Lê Nhật Hoa	401/X1- Trương Định	.....	....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
	092	Đặng Văn Yên	408/X1- Trương Định	.....	....	.....	.....
	093	Khổng Thị Bưởi	501/X1- Trương Định	.....	....	.....	.....
	.....	.....	.....	.....	....	.....	.....
	100	Lý Thái An	508/X1- Trương Định	.....	....	.....	.....
.....	....	.....	.....	.....	....	.....	.....

Trường hợp trong một căn hộ có 2 hộ hoặc 3 hộ, thậm chí nhiều hộ cư trú, ví dụ hộ gia đình bố mẹ và hộ của các con (ở chung trong căn hộ nhưng ăn riêng) thì:

- Ở Cột 2: (Số thứ tự hộ): Ghi số thứ tự hộ của từng hộ trong căn hộ đó.
- Ở Cột 3: (Họ và tên chủ hộ): Ghi họ và tên chủ hộ của từng hộ trong căn hộ đó.

Giả sử, ở ví dụ trên, căn hộ 101 có hai hộ ở chung nhưng ăn riêng: Hộ của vợ chồng ông Nguyễn Quang Tam (bố mẹ) có số thứ tự là 061, và hộ của vợ chồng anh Nguyễn Tuấn

Am (con trai, con dâu, cháu nội ông Tam), thì số thứ tự hộ của vợ chồng anh Nguyễn Tuấn Am là 062, số thứ tự của các hộ tiếp theo là 063, 064....

STT nhà/ nơi ở	STT hộ	Họ và tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	Số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ khi:			Ghi chú
				Lập bảng kê		.....	
				Tổng số	Nữ	.....	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	.....	(11)
....	....	.....	.....	.....	....	.....	.....
17	060	.....	.....	.....	....	.....	.....
18	061	Nguyễn Quang Tam	101/X1- Trương Định	.....	....	.....	.....
	062	Nguyễn Tuấn Am	101/X1- Trương Định	.....	....	.....	.....
	063						
....	....	.....	.....	.....	....	.....	.....

- Cột 4 “Địa chỉ của hộ”: Ghi theo địa chỉ gửi thư đến căn hộ đó.

*Ví dụ: Phòng 101, nhà XI- Trương Định*

(2) Sau khi hoàn thành việc ghi cho ngôi nhà có người ở cuối cùng của địa bàn, cán bộ lập bảng kê đếm tổng số ngôi nhà (cột 1), tổng số hộ (cột 2), tổng số nhân khẩu (cột 5) và số nữ (cột 6) và ghi kết quả vào dòng ‘Tổng số’.

#### Lưu ý:

- Chỉ đếm tổng số ngôi nhà, không tính nơi ở, nhưng tổng số hộ thì tính cả số hộ không có nhà ở.
- Khi hiệu chỉnh và khi điều tra cũng làm tương tự như trên. Nếu kết quả đếm khác với trước, thì sửa lại Tổng số theo lần đếm sau.
- Phải ghi đủ tổng số vào các cột 1, 2, 5, 6, 7, 8, 9 và 10

### 3. Hướng dẫn lập danh sách nhân khẩu đặc thù (Phụ lục 5)

#### a. Quy định chung

- Việc lập danh sách đối với nhân khẩu đặc thù không theo địa bàn điều tra mà theo xã/phường. Xã/phường nào có các cơ quan, đơn vị có nhân khẩu đặc thù thì Ban chỉ đạo xã/phường đó phối hợp với lãnh đạo (Ban quản lý) cơ quan, đơn vị đó để lập danh sách.
- Đối với cơ quan, đơn vị có số nhân khẩu đặc thù dưới 200 người, thì Ban chỉ đạo xã/phường phân công người lập danh sách (và sau này điều tra).
- Đối với cơ quan, đơn vị có số nhân khẩu đặc thù từ 200 người trở lên, thì Ban chỉ đạo xã/phường thông báo cho cơ quan, đơn vị đó cử 01 người đi dự tập huấn và sau đó lập danh sách số nhân khẩu đặc thù của cơ quan, đơn vị mình.
- Thời gian lập danh sách nhân khẩu đặc thù được tiến hành từ ngày **10 tháng 3 đến ngày 25 tháng 3 năm 2009**.



b. Cách ghi danh sách

- Cột 1: Ghi số thứ tự theo từng người.
- Cột 2: Ghi họ và tên từng người.
- Cột 3 và Cột 4: Gạch chéo (X) vào Cột 3, nếu là nam; Gạch chéo (X) vào Cột 4, nếu là nữ.
- Cột 5: Là nơi cư trú hiện tại của người đó, ví dụ: là phòng số mấy; có thể là nhà A, nhà F... Ghi đúng địa chỉ mà người đó đang ở.

Trường hợp trong một ngôi nhà có nhiều người cùng ở, có cùng địa chỉ thì chỉ ghi địa chỉ cho người ở dòng đầu, các dòng tiếp theo ghi “như trên”, không được để trống.

## CHƯƠNG V

### HIỆU CHỈNH SƠ ĐỒ VÀ BẢNG KÊ

#### I. MỤC ĐÍCH HIỆU CHỈNH SƠ ĐỒ VÀ BẢNG KÊ

- a. Cập nhật sơ đồ là nhằm thể hiện đầy đủ đến trước thời điểm điều tra những thay đổi về đường, nhà cửa, hoặc những thay đổi về các đặc điểm địa lý, vật định hướng khác.
- b. Cập nhật bảng kê là nhằm thể hiện đầy đủ đến trước thời điểm điều tra những thay đổi về số hộ (hộ mới chuyển đến địa bàn, hộ mới chuyển đi), về nhân khẩu thực tế thường trú (trẻ em mới sinh, người chết, người chuyển đi, người chuyển đến).

Thời gian hiệu chỉnh sơ đồ, bảng kê được thực hiện từ ngày **10 đến ngày 25 tháng 3 năm 2009**.

#### II. PHƯƠNG PHÁP HIỆU CHỈNH SƠ ĐỒ, BẢNG KÊ

Đi thực địa, quan sát đối chiếu giữa sơ đồ địa bàn đã vẽ và thực tế địa bàn để phát hiện những thay đổi về nhà cửa và đến từng hộ trong địa bàn hỏi chủ hộ về nhân khẩu thực tế thường trú để cập nhật bảng kê, đặc biệt chú ý các hộ có nhân khẩu mới chuyển đến hoặc chuyển đi, hoặc có người chết, trẻ mới sinh. Nếu có những thay đổi đó thì tiến hành hiệu chỉnh sơ đồ và bảng kê theo các trường hợp cụ thể sau:

1. Có (những) ngôi nhà không có người ở mới phát sinh:

Vẽ ngôi nhà đó vào vị trí thích hợp trên sơ đồ, không xử lý gì đối với bảng kê.

2. Có (những) ngôi nhà có người ở bị bỏ sót khi vẽ sơ đồ và lập bảng kê và (những) ngôi nhà mới xây dựng có người đến ở:

Vẽ ngôi nhà bị bỏ sót và mới phát sinh vào vị trí thích hợp trên sơ đồ; ghi số thứ tự cho (những) ngôi nhà bị bỏ sót, và (những) ngôi nhà mới xây dựng có người ở này bằng số tự nhiên tiếp theo số thứ tự lớn nhất của các ngôi nhà có người ở trong địa bàn (đã ghi trong sơ đồ và trong bảng kê). Tiếp theo, ghi số thứ tự nhà, số thứ tự hộ, họ và tên chủ hộ, địa chỉ của hộ vào các cột: 1, 2, 3, 4 của bảng kê, ghi số hộ, nhân khẩu thực tế thường trú cho hộ/các hộ đang sống trong ngôi nhà tại thời điểm hiệu chỉnh vào Cột 7 và Cột 8; bỏ trống Cột 5 và Cột 6.


3. Có (những) ngôi nhà khi vẽ sơ đồ còn đang xây dựng hoặc không có người ở nay đã có người chuyển đến ở:

Cách xử lý theo các bước như sau:

- a. Trên sơ đồ, xóa ký hiệu đã vẽ (chữ “K” hoặc “ĐXD”) bằng 2 nét gạch ngang song song (**K**), sau đó vẽ lối đi vào ngôi nhà, ghi số tầng nhà (nếu nhà có từ hai tầng trở lên).
- b. Trên sơ đồ, ghi số thứ tự cho ngôi nhà đó bằng số tự nhiên tiếp theo **số thứ tự lớn nhất** đã sử dụng cho các ngôi nhà trong địa bàn (đã ghi trong sơ đồ và trong bảng kê).
- c. Trên bảng kê, thực hiện việc lập bảng kê đối với hộ/các hộ đang sống trong ngôi nhà (trước đây không có người ở, nay có người ở) tại thời điểm hiệu chỉnh vào (các) dòng trống phía trên của tập bảng kê và ghi thông tin vào Cột 1, Cột 2, Cột 3, Cột 4, Cột 7, Cột 8; bỏ trống Cột 5 và Cột 6.

Số thứ tự hộ ở Cột 2 cho hộ/các hộ là số tự nhiên tiếp theo số thứ tự lớn nhất đã ghi cho các hộ trên bảng kê trong thời gian lập bảng kê.

4. Có (những) ngôi nhà khi vẽ sơ đồ và lập bảng kê có người ở, nay những người ở trong ngôi nhà đó đã chuyển hẳn đi nơi khác, nhà bỏ trống hoặc bị phá hủy:

Gạch bỏ nhà đó trên sơ đồ bằng hai nét gạch song song () đồng thời cũng gạch bỏ số thứ tự nhà và hộ/các hộ sống trong ngôi nhà đó trong bảng kê bằng nét gạch xuyên suốt từ Cột (1) đến Cột (11).

Không phải sửa lại số thứ tự của các ngôi nhà có người ở đã ghi trên sơ đồ và số thứ tự của các ngôi nhà đã ghi trên bảng kê.

5. Hộ mới chuyển đến thay thế hộ chuyển đi:

Gạch tên chủ hộ cũ, ghi họ và tên chủ hộ mới vào vị trí thích hợp ở Cột 3; điền thông tin vào Cột 7 và Cột 8.

6. Tăng hộ do tách hộ:

Trường hợp lúc lập bảng kê chỉ là một hộ, nhưng khi hiệu chỉnh, hộ này đã tách thành 2 hoặc 3 hộ ... hiệu chỉnh như sau:

- Đối với sơ đồ: Không phải hiệu chỉnh sơ đồ.
- Đối với bảng kê:
  - + Đối với hộ đã có tên chủ hộ trong lúc lập bảng kê

Giữ nguyên số thứ tự nhà, số thứ tự hộ và ghi số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ này vào Cột 7, Cột 8.

+ Đối với hộ/các hộ mới tách:

Ghi (các) hộ mới tách này lần lượt vào (các) dòng trống tiếp theo các dòng đã có thông tin của tập bảng kê. Cụ thể là:

- Ghi số thứ tự nhà theo số thứ tự nhà cũ (khi chưa tách hộ) đã được thể hiện trên sơ đồ vào Cột 1.
- Ghi số thứ tự hộ tiếp theo số thứ tự hộ lớn nhất của bảng kê vào Cột 2.
- Ghi họ tên chủ hộ và địa chỉ của hộ vào Cột 3 và Cột 4.
- Ghi số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ và số nữ vào Cột 7, Cột 8; cột 5, 6 bỏ trống.

7. Tăng hoặc giảm số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ


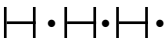



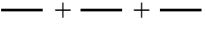
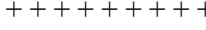
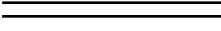









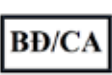
- a. Đối với sơ đồ: Không phải hiệu chỉnh sơ đồ.
- b. Đối với bảng kê: Ghi số nhân khẩu thực tế thường trú của hộ có đến thời điểm hiệu chỉnh vào cột 7, cột 8 của bảng kê.

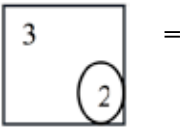






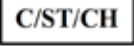



**Lưu ý:**

- (1) Sau khi hiệu chỉnh xong cho cả địa bàn, đếm số lượng nhà và số lượng hộ có tại thời điểm hiệu chỉnh và hiệu chỉnh các số lượng tương ứng đã ghi lúc lập bảng kê theo các số lượng này.
- (2) Dòng “Tổng số”: Đếm tổng số nhân khẩu thực tế thường trú lúc hiệu chỉnh (cột 7) và nữ (cột 8) và ghi kết quả xuống dòng Tổng số.
- (3) Không phải hiệu chỉnh “nhân khẩu đặc thù”.

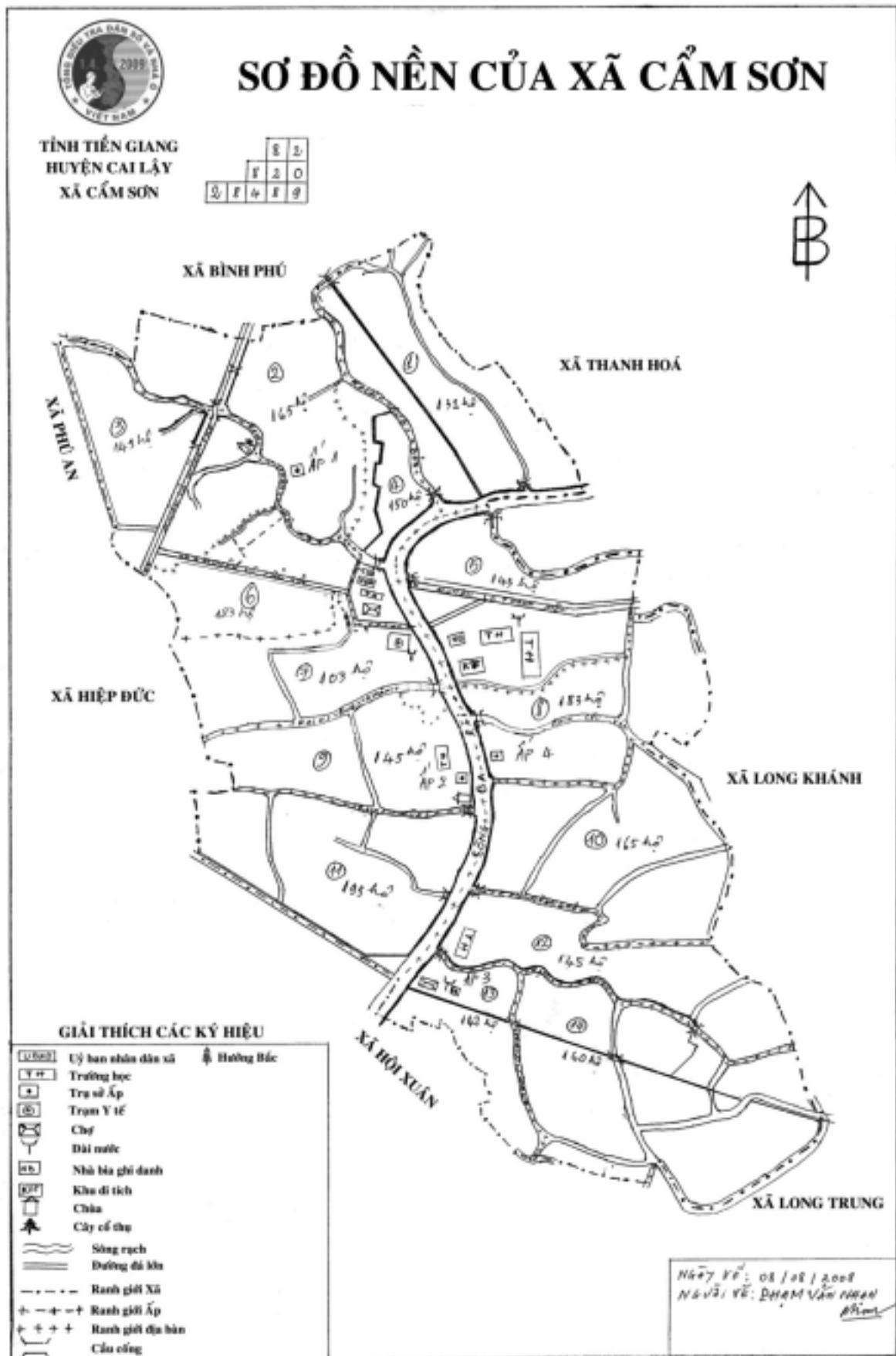
# CÁC PHỤ LỤC

## PHỤ LỤC 1: NHỮNG KÝ HIỆU SỬ DỤNG ĐỂ VẼ SƠ ĐỒ

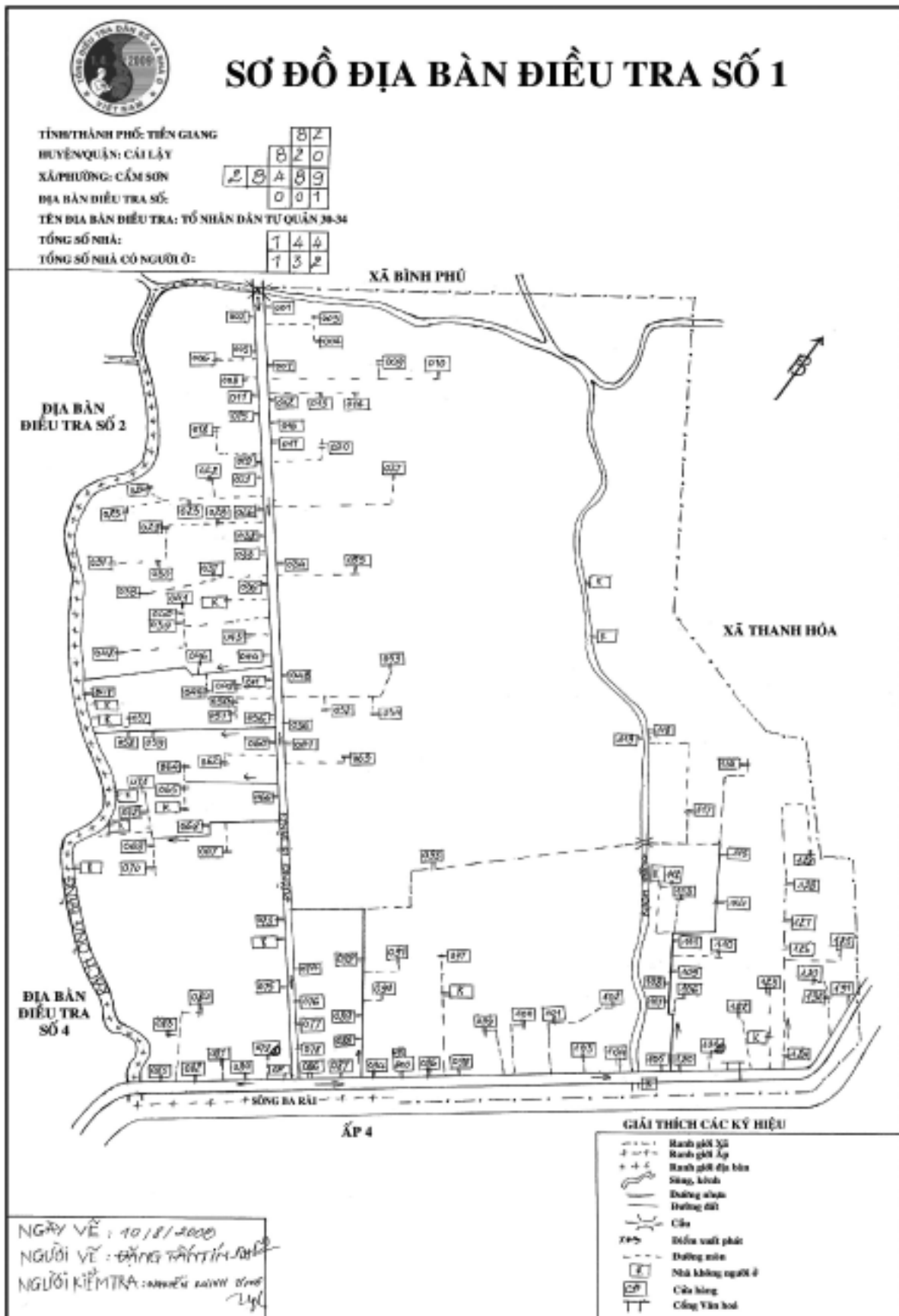
<u>KÝ HIỆU</u>	<u>NỘI DUNG</u>
	Hướng của sơ đồ (Hướng Bắc)
	Ranh giới quốc gia
	Ranh giới tỉnh, thành phố
	Ranh giới huyện/ quận/ thị xã/ thành phố thuộc tỉnh
	Ranh giới xã/phường/thị trấn
	Ranh giới thôn, xóm, ấp, bản, tổ dân phố, khu phố
	Ranh giới địa bàn điều tra
	Đường nhựa/đường đá lớn
	Đường đất lớn
	Đường mòn
	Cầu, cống
	Đường xe lửa
	Ao, hồ, đầm
	Sông, suối, kênh, ngòi...
	Núi đồi
	Cây cổ thụ
	K: Nhà không người ở
	Nhà đang xây dựng
	Nhà có tất cả thành viên là bộ đội, công an hoặc cả hai: * Bộ đội: ghi BD, * Công an: ghi CA * Có cả hai: BD + CA

<b>KÝ HIỆU</b>	<b>NỘI DUNG</b>	
	<p>3 : Số TT nhà trên sơ đồ</p> <p>② : Chỉ số tầng nhà (Đây là nhà có 2 tầng)</p> <p>= : Lối vào nhà</p>	<p><b>Ký hiệu này chỉ dùng cho nhà có người ở;</b> Nhà 01 tầng thì không ghi số tầng nhà.</p>
	<p>X : Điểm xuất phát để đi vẽ sơ đồ địa bàn điều tra</p> <p>: Hướng/lối đi đến từng nhà</p>	
<b>A1</b>	<p>- A: Nơi không có nhà nhưng có người cư trú thường xuyên;</p> <p>- 1: Số thứ tự nơi không có nhà ở nhưng có người thường xuyên cư trú.</p>	
	<p>Nhà máy/Khu công nghiệp:</p> <p>* Nhà máy: ghi NM,</p> <p>* Khu công nghiệp: ghi KCN</p>	
	Trường học	
	Bệnh viện	
	Cơ quan	
	Trụ sở Ủy ban Nhân dân	
	<p>Chợ/siêu thị/cửa hàng:</p> <p>* Chợ: ghi C</p> <p>* Siêu thị: ghi ST</p> <p>* Cửa hàng: ghi CH</p>	
	Đền/chùa/miếu	
	Nhà thờ	
	Nghĩa địa	

PHỤ LỤC 2: SƠ ĐỒ NỀN CỦA XÃ/PHƯỜNG



### PHỤ LỤC 3: SƠ ĐỒ ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA









## PHỤ LỤC 6:

### BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở TRUNG ƯƠNG

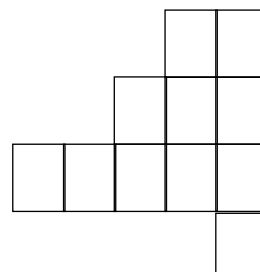
#### Danh sách địa bàn điều tra của xã/phường

Tỉnh/thành phố: .....

Huyện/quận: .....

Xã/phường: .....

Thành thị/nông thôn (Thành thị = 1; Nông thôn = 2): .....



STT địa bàn điều tra	Địa chỉ địa bàn điều tra	Số hộ	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)
<b>TỔNG SỐ</b>			
<b>- Tổng số ĐBDT:</b>			
<b>- Số ĐTV cần tập huấn:</b>			
<b>+ ĐTV chính thức:</b>			
<b>+ ĐTV dự phòng:</b>			

....., ngày ..... tháng ..... năm 2008

**Ban chỉ đạo TĐTDS và nhà ở xã/phường**

(Ký, đóng dấu của UBND xã/phường)

#### a. Mỗi xã/phường lập hai bản:

- Một bản lưu ở xã/phường (để sử dụng);
- Một bản báo cáo Ban chỉ đạo huyện/quận.

#### b. Cách ghi:

- Cột 1: Ghi số thứ tự địa bàn điều tra theo xã/phường do Ban chỉ đạo xã/phường đánh số thứ tự trong quá trình phân chia địa bàn điều tra
- Cột 2: Ghi tên và địa chỉ của từng địa bàn điều tra (thôn/xóm/ấp bản/tổ dân phố/khu phố...)
- Cột 3: Ghi tổng số hộ của mỗi địa bàn
- Cột 4: Ghi chú những điều cần thiết (nếu có)
- Dòng “Tổng số”: Ghi tổng số hộ của địa bàn điều tra

Không in Quy trình phỏng vấn (Xem phụ lục 5, “Sổ tay điều tra viên”)